

## MÔ TẢ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN SỐ LIỆU TRONG BÁO CÁO TÀI SẢN VÀ CÁC BÁO CÁO CÓ LIÊN QUAN

**LƯU Ý CỦA FPTS:** Số liệu lãi/lỗ trên các báo cáo KHÔNG dùng để hạch toán, thanh toán cho khách hàng. FPTS sẽ thực hiện hạch toán, thanh toán theo giá trị của các giao dịch phát sinh.

### I. BÁO CÁO TÀI SẢN

#### 1. Công thức tính Giá vốn

- Phương pháp tính: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập
  - Giao dịch làm tăng số lượng chứng khoán (mua/lưu ký...)

$$\text{Giá vốn TB mới} = \frac{P_0 * Q_0 + P * Q}{Q_0 + Q}$$

*Trong đó:*

- $P_0$  và  $Q_0$ : giá vốn TB và tổng khối lượng trước thời điểm phát sinh giao dịch
- $P$  và  $Q$ : giá giao dịch và khối lượng của nghiệp vụ phát sinh
- Giao dịch làm giảm số lượng chứng khoán (bán/rút lưu ký/chuyển khoản chứng khoán):
  - Không thay đổi giá vốn trung bình.
  - Tại thời điểm phát sinh giao dịch giảm, giá vốn sẽ được ghi nhận để làm căn cứ tính toán trên "Báo cáo Lãi/Lỗ đã thực hiện":
    - Công thức tính Lãi/Lỗ đã thực hiện:  
Lãi/lỗ đã thực hiện = Khối lượng x (Giá giao dịch – Giá vốn trung bình tại thời điểm giao dịch).
- Lưu ý:
  - Giá vốn trung bình không tính đến Phí giao dịch, Thuế, Lãi vay và các chi phí khác.
  - Giá trung bình của báo cáo Tổng hợp số dư giao dịch cũng được tính tương tự như các tính Giá vốn trung bình được mô tả ở đây.

#### 2. Quy định về ghi nhận giao dịch đối với các nghiệp vụ

Loại nghiệp vụ	Loại giao dịch ghi nhận	Thời điểm ghi nhận giao dịch	Giá/Giá trị ghi nhận
Mua chứng khoán	Giao dịch tăng chứng khoán	Thời điểm giao dịch được khớp lệnh	Giá trị ghi nhận = Giá khớp x Khối lượng
Bán chứng khoán	Giao dịch giảm chứng khoán	Thời điểm giao dịch được khớp lệnh	Giá trị ghi nhận = Giá khớp x Khối lượng
Quyền cổ tức cổ phiếu/Cổ phiếu thưởng	Giao dịch tăng chứng khoán	Khi FPTS chốt được số lượng quyền cổ phiếu với VSD	Giá vốn ghi nhận = 0
Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	Giao dịch tăng chứng khoán	Khi FPTS chốt được số lượng quyền mà Khách hàng đã nộp tiền mua với VSD	Giá vốn ghi nhận = giá phát hành
Cổ tức bằng tiền	Không làm thay đổi số lượng chứng khoán	Khi FPTS chốt được số tiền cổ tức với VSD	
Lưu ký/ Nhận chuyển khoản chứng khoán	Giao dịch tăng chứng khoán	Khi giao dịch được hoàn tất lưu ký tại FPTS	Giá vốn ghi nhận = Giá đóng cửa gần nhất trước ngày giao dịch này hoàn tất
Rút lưu ký/Chuyển khoản đi	Giao dịch giảm chứng khoán	Khi giao dịch được hoàn tất thủ tục tại FPTS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã đang được niêm yết trên sàn: Giá giao dịch = Giá đóng cửa tại phiên giao dịch liền trước (ngày T-1 hoặc ngày gần nhất có giao dịch)</li> <li>- Mã bị hủy niêm yết: giá đóng cửa phiên giao dịch gần nhất.</li> <li>- Mã chứng khoán đại chúng chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch: Giá = 0</li> </ul>

Hoán đổi cổ phiếu Ví dụ: Hoán đổi từ mã A sang mã B - Ghi nhận thành 2 giao dịch: (1) Giao dịch rút lưu mã A (2) Giao dịch lưu ký mã B	Giao dịch 1: Giao dịch rút lưu ký mã A	Tại ngày hủy niêm yết mã A	Giá cho giao dịch 1 là giá vốn trung bình của mã A tại thời điểm đó
	Giao dịch 2: Giao dịch lưu ký mã B	Tại ngày hủy niêm yết mã A	Giá vốn ghi nhận = Tổng giá trị vốn của mã A/ Tổng KL mã B (được quy đổi từ mã A)
Đáo hạn chứng quyền	Giao dịch giảm chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước ngày chốt quyền TTĐH với VSD: vẫn hiển thị chứng quyền trên BCTS như bình thường với giá thị trường là giá đóng cửa cuối cùng (tương tự mã hủy niêm yết).</li> <li>- Cuối ngày chốt quyền với VSD: ghi nhận giao dịch giảm chứng khoán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng = toàn bộ khối lượng hiện tại</li> <li>- Giá giao dịch = Tiền TTĐH chứng quyền (nếu có)/Tổng KL</li> <li>- Nếu tiền thanh toán đáo hạn (TTĐH) chứng quyền = 0 thì giá giao dịch = 0</li> </ul>

### 3. Ví dụ các nghiệp vụ tính giá vốn

Ngày	Giao dịch phát sinh	Khối lượng tăng/giảm	Giá vốn ghi nhận	Thay đổi trên báo cáo tài sản
------	---------------------	----------------------	------------------	-------------------------------

				<b>Tổng KL (lũy kê)</b>	<b>Giá vốn TB</b>
04/01/2022	Mua 1000 cổ phiếu A giá 55000	1,000	55,000	1,000	55,000
05/01/2022	Mua 2000 cổ phiếu A giá 52000	2,000	52,000	3,000	53,000
10/01/2022	Bán 500 cổ phiếu A giá 56500	-500		2,500	53,000
11/01/2022	Chốt quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu 6% (số lượng cổ phiếu nhận là 150 cổ phiếu)	150	0	2,650	50,000
26/01/2022	Chốt quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với giá 10.000 (số lượng cổ phiếu đã chốt mua là 2,350 cổ phiếu)	2,350	10,000	5,000	31,200
27/01/2022	Hoàn tất lưu ký 6000 cổ phiếu cổ phiếu A (giá đóng cửa ngày giao dịch 26/1 của mã cổ phiếu A là 53200)	6,000	53,200	11,000	43,200
14/02/2022	Chốt hoán đổi cổ phiếu A thành cổ phiếu B tỉ lệ 2:1				
	(1) Ghi nhận giao dịch giảm toàn bộ mã A	-11,000		0	0
	(2) Ghi nhận giao dịch tăng mã B với khối lượng quy đổi tương ứng từ mã A	5,500	86,400	5,500	86,400

## II. Báo cáo biến động tài sản ròng

- **Biến động NAV = NAV cuối kỳ - NAV đầu kỳ - Phát sinh ròng trong kỳ**
  - NAV cuối kỳ: tương ứng với báo cáo tài sản chốt tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ tra cứu
  - NAV đầu kỳ: tương ứng với báo cáo tài sản chốt tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ trước đó.
  - Phát sinh ròng làm thay đổi vốn = Phát sinh tiền + Phát sinh chứng khoán
    - Phát sinh tiền = Phát sinh tăng + Phát sinh giảm
      - Phát sinh tăng (+) là tổng giá trị các nghiệp vụ:
        - Nộp tiền vào TK chứng khoán cơ sở

- Rút tiền từ TK phát sinh về TK chứng khoán cơ sở
- Phát sinh giảm (-) gồm các nghiệp vụ:
  - Rút tiền
  - Chuyển tiền ra ngân hàng
  - Chuyển từ chứng khoán cơ sở sang tài khoản phát sinh
  - Phí rút/chuyển tiền phát sinh
- Phát sinh chứng khoán = Phát sinh tăng + Phát sinh giảm
  - Phát sinh tăng (+)
    - Giá trị chứng khoán lưu ký thêm = Khối lượng CK lưu ký thêm x Giá đóng cửa phiên gần nhất có khớp lệnh
    - Giá trị chứng khoán nhận chuyển khoản đến = Khối lượng CK nhận chuyển khoản đến x Giá đóng cửa phiên gần nhất có khớp lệnh
  - Phát sinh giảm (-)
    - Giá trị chứng khoán rút lưu ký = Khối lượng CK rút lưu ký x Giá đóng cửa phiên gần nhất có khớp lệnh
    - Giá trị chứng khoán chuyển khoản đi = Khối lượng CK chuyển khoản đi x Giá đóng cửa phiên gần nhất có khớp lệnh

### III. Báo cáo Tổng hợp giao dịch theo mã chứng khoán

- Số liệu đầu kỳ tương ứng với số liệu trên "Báo cáo tài sản" tại cuối ngày làm việc cuối cùng của các Quý.
- Số liệu trong kỳ được tổng hợp dựa trên các giao dịch phát sinh trong kỳ, chi tiết:
  - Tổng khối lượng tăng: Tổng KL các giao dịch làm tăng chứng khoán:
    - Giao dịch Mua
    - Cổ tức bằng cổ phiếu
    - Thực hiện quyền Mua
    - Lưu ký thêm
    - Nhận chuyển khoản chứng khoán
  - Tổng giá trị tăng: Tổng giá trị các giao dịch làm tăng KL chứng khoán = Khối lượng tăng x Giá ghi nhận của giao dịch
    - Giá ghi nhận của giao dịch được mô tả như trong mục [I.2. Quy định về ghi nhận giao dịch đối với các nghiệp vụ](#)
  - Khối lượng giảm: Tổng KL các giao dịch làm giảm KL chứng khoán:

- Giao dịch Bán
- Rút lưu ký
- Chuyển khoản chứng khoán đi
- Tổng giá trị giảm: Tổng giá trị các giao dịch giảm chứng khoán = Khối lượng giảm x Giá ghi nhận của giao dịch
  - Giá ghi nhận của giao dịch được mô tả như trong mục [I.2. Quy định về ghi nhận giao dịch đối với các nghiệp vụ](#)
- Cổ tức bằng tiền: cổ tức bằng tiền chốt trong kì (dựa vào thời điểm được ghi nhận trên Báo cáo tài sản)
- Số liệu cuối kỳ tương ứng với số liệu trên "Báo cáo tài sản" tại ngày làm việc cuối cùng của các Quý, hoặc tại ngày cập nhật Báo cáo tài sản gần nhất.
- Chênh lệch = (Tổng GT cuối kỳ + Cổ tức bằng tiền)
  - (Tổng GT tăng trong kỳ - Tổng GT giảm trong kỳ)
  - Tổng GT đầu kỳ

Lưu ý: Giá trị được ghi nhận trong báo cáo không tính đến Phí giao dịch, Thuế, Lãi vay và các chi phí khác.